

TẠP CHÍ
**Hoạt động
khóa học**

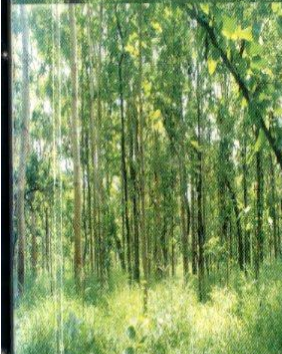
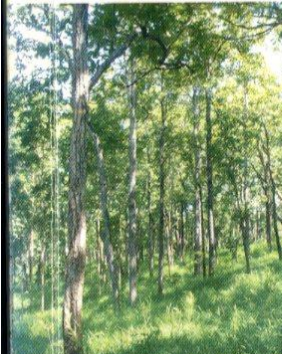
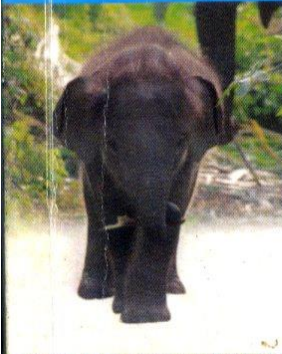
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ISSN 0866-7152

11 (534)

2003

Số đặc san



10 NĂM VƯỜN QUỐC GIA YOK ĐÔN
1992 - 2002



TRONG SỐ NÀY

TẦM QUAN TRỌNG CỦA VƯỜN QUỐC GIA YOK ĐÔN

Ngô Tiến Dũng

- Vườn quốc gia Yok Đôn và các giá trị bảo tồn.

Nguyễn Nghĩa Thìn, Ngô Tiến Dũng

- Tính đa dạng hệ thực vật Vườn quốc gia Yok Đôn.

C.I. Mc Quistan,

- Vườn quốc gia Yok Đôn, mười năm nhìn lại.

Huỳnh Thị Kim Hồi

- Kết quả nghiên cứu giun đất ở Vườn quốc gia.

Nguyễn Đức Tú, Lê Trọng Trải,

Đặng Ngọc Cảnh

- Các loài thú và chim ở Vườn quốc gia.

Trần Ngọc Ninh

- Đa dạng hệ sinh thái Vườn quốc gia Yok Đôn.

Hà Quý Quỳnh

- Sử dụng công nghệ hệ thống tin địa lý trong xây dựng bản đồ phục vụ nghiên cứu đa dạng sinh học Vườn quốc gia Yok Đôn, Đắk Lắk.

VẤN ĐỀ BẢO TỒN

Nguyễn Kim Đào

- Hệ sinh thái rừng khộp, tiềm năng và triển vọng.

Đặng Huy Huỳnh, Hoàng Minh Khiên,

Đặng Huy Phương

- Bảo tồn, phát triển bền vững động vật hoang dã ở Vườn quốc gia Yok Đôn.

Phạm Trọng Ảnh

- Kết quả sử dụng ảnh viễn ảnh ở Vườn quốc gia Yok Đôn.

Nguyễn Cử

- Xác định một số loài chim thuộc các đối tượng bảo tồn quan trọng ở Vườn quốc gia Yok Đôn.

Hà Đình Đức

- Bò xám (bos sauveli) và các chuyến khảo sát bò xám ở Vườn quốc gia Yok Đôn.

Đặng Thị Đáp

- Côn trùng cánh cứng ăn lá được phát hiện ở Đắk Lắk.

60

Ngô Văn Tri

- Khảo sát các loài linh trưởng tại Vườn quốc gia Yok Đôn.

65

1 Nguyễn Thị Thu Hà

- Các loài cá ở Vườn quốc gia Yok Đôn.

73

5 NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VỚI BẢO TỒN

14 Linh Nga Niê Kdam

- Luật tục các dân tộc bản địa Buôn Đôn với vấn đề môi trường.

77

18 Bảo Huy, Lê Thị Lý, Võ Hùng, Cao Thị Lý, Nguyễn Thị Thanh Hương

- Nghiên cứu lập kế hoạch phát triển buôn Đrăng Phôk nội vùng Vườn quốc gia Yok Đôn.

80

30 Hồ Viết Sặc, Bảo Huy, Nguyễn Đức Định, Nguyễn Thị Thanh Hương

- Xây dựng mô hình và bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc ở vùng đệm Vườn quốc gia Yok Đôn.

84

33 Nguyễn Tiến, Lê Phú Hanh

- Quy hoạch sử dụng tài nguyên có sự tham gia của người dân tại xã Krông Na - huyện Buôn Đôn - tỉnh Đắk Lắk.

87

Hồ Văn Cử

- Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Yok Đôn.

90

37 Bảo Huy, Cao Thị Lý, Võ Hùng

- Đề xuất các hoạt động phát triển lâm nghiệp tại Vườn quốc gia Yok Đôn.

998

41 Lê Văn Khoa, Trần Thiện Cường, Võ Văn Minh

- Giáo dục bảo vệ môi trường và tính đa dạng sinh học ở Vườn quốc gia Yok Đôn.

106

45 Nguyễn Xuân Độ, Hoàng Thị Kim Dung, Nguyễn Hoàng Tùng

- Biến động đa dạng sinh học trong các vùng trồng cây công nghiệp lâu năm ở Đắk Lắk.

108

47 Hoàng Thị Kim Dung

- Một số giải pháp quản lý rừng bền vững tại xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

115

56

PHỤ LỤC

ĐỀ XUẤT CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP TẠI VƯỜN QUỐC GIA YOK ĐÔN

Review of Previous Activities and Forestry Possibilities in Yok Don National Park

PGS.TS. BẢO HUY
ThS. CAO THI LÝ, ThS. VÕ HÙNG
Khoa nông lâm - Đại học Tây Nguyên

Nhằm đánh giá các hoạt động liên quan đến lâm nghiệp trong vùng đệm cũng như trong khu vực Vườn quốc gia (VQG) Yok Đôn và xem xét những khả năng thúc đẩy hoạt động lâm nghiệp ở đây; dự án PARC đã tiến hành công tác này với sự tư vấn của nhóm lâm nghiệp Trường đại học Tây Nguyên. Mục tiêu là đánh giá các hoạt động liên quan đến phát triển lâm nghiệp, nông lâm kết hợp của các xã trong vùng đệm, đánh giá các hoạt động lâm nghiệp ở VQG Yok Đôn, đề xuất những giải pháp, hoạt động phát triển lâm nghiệp ở vùng đệm cũng như trong khu vực VQG Yok Đôn.

Báo cáo này tóm tắt các kết quả nghiên cứu đã đạt được, trình bày ngắn gọn các đánh giá đồng thời tập trung vào việc chỉ ra các giải pháp chiến lược trong phát triển lâm nghiệp ở khu vực VQG bao gồm các xã vùng đệm và vùng lõi của Vườn.

Trên cơ sở đánh giá quá trình và rút ra các bài học kinh nghiệm, một kế hoạch phát triển lâm nghiệp thích hợp cho tương lai đã được đề xuất. Tiến trình nghiên cứu bao gồm: Xem xét các tài liệu đã có, khảo sát trên hiện trường và phân tích vấn đề cùng với các bên liên quan ở địa phương. Việc đánh giá tập trung vào hoạt động lâm nghiệp, nông lâm kết hợp bên trong và ngoài Vườn. Mục đích của nghiên cứu này không chỉ tìm kiếm các bài học kinh nghiệm mà còn xác định các cơ hội cho công việc trong tương lai và từ đó đề nghị hoạt động phát triển lâm nghiệp cho dự án PARC và VQG Yok Đôn.

Nhiều bên liên quan đã tham gia vào tiến trình như: Lãnh đạo và cán bộ của VQG Yok Đôn, lãnh đạo các xã vùng đệm, lãnh đạo các lâm trường trong vùng đệm, cán bộ của dự án PARC, đại diện Phòng nông nghiệp huyện Buôn Đôn, các xã vùng đệm, khuyến nông lâm huyện/xã, đại diện các nhóm nông dân,... Trong làm việc đã sử dụng phương pháp tiếp cận theo nhóm rộng bao gồm cả nam và nữ để có thể giải quyết vấn đề một cách hiệu quả.

Nhóm thúc đẩy/nghiên cứu cũng được lựa chọn đa ngành (bao gồm lâm nghiệp xã hội, quản lý rừng, nông lâm kết hợp, khuyến nông lâm, đa dạng sinh học, ...) để có thể giải quyết các vấn đề rộng trong một thời gian khá hẹp.

Các công cụ tiếp cận có sự tham gia đa dạng đã được áp dụng như: Phân tích SWOT (điểm mạnh, yếu, cơ hội và thử thách), phân tích CIPP (bối cảnh, đầu vào, tiến trình và đầu ra) để xác định và xem xét các vấn đề một cách tổng quan, phỏng vấn bán cấu trúc để thu thập và thẩm định các vấn đề; đồng thời sử dụng ma trận lập kế hoạch hướng mục tiêu để thảo luận và đánh giá các tiềm năng phát triển hoạt động lâm nghiệp trong tương lai.

This report documents progress to date and future possibilities for forestry activities developed by the PARC Yok Don Project. Recommendations presented here are general guidelines for the integration of forestry development in buffer zone development of the National Park. These are supported by specific work-plans, suggestions and recommendations presented herein as general guidelines for implementation within the PARC forestry component.

The principal objective of the forestry team's input

was to evaluate progress under the previous phase and based upon these lessons, plan appropriate forestry activities for future consideration. This process included; a desk study plus field observations and analysis with local stakeholders. The review focused on forestry development and agroforestry practices inside and outside YDNP. The aim of this study was not only to identify lessons resulting from previous activities but also to identify opportunities for further work, and thus suggest inputs for a comprehensive forestry development strategy at Yok Don.

NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VỚI BẢO TỒN

Many stakeholders were involved in the review and in the identification of recommendations for future development. The methodology was to adopt a team approach to facilitate a wide review in the limited time available. The research team employed a wide variety of participatory tools, including; SWOT and CIPP analyses to identify the overall scope of issues involved and semi-structured interviews to collect and verify various points. By employing a matrix of objective-oriented planning the discussion and evaluation of possibilities for the development of strategy and activities for the future were identified.

The suggestions in general are based on the idea and recommendations of the stakeholders. This has been made

Nhằm đánh giá các hoạt động liên quan đến lâm nghiệp trong vùng đệm cũng như trong khu vực VQG Yok Đôn và xem xét những khả năng thúc đẩy hoạt động lâm nghiệp ở đây; dự án PARC đã tiến hành công tác này với sự tư vấn của nhóm lâm nghiệp Trường đại học Tây Nguyên. Thời gian tiến hành trong tháng 3/2002.

Mục tiêu của nghiên cứu này là:

Đánh giá các hoạt động liên quan đến phát triển lâm nghiệp, nông lâm kết hợp của các xã trong vùng đệm; đánh giá các hoạt động lâm nghiệp ở VQG Yok Đôn; đề xuất những giải pháp, hoạt động phát triển lâm nghiệp ở vùng đệm cũng như trong khu vực VQG Yok Đôn.

Báo cáo này tóm tắt các kết quả nghiên cứu đã đạt được, trình bày ngắn gọn các đánh giá đồng thời tập trung vào việc chỉ ra các giải pháp chiến lược trong phát triển lâm nghiệp ở khu vực VQG bao gồm các xã vùng đệm và vùng lõi của Vườn.

Phương pháp nghiên cứu:

Trên cơ sở đánh giá quá trình và rút ra các bài học kinh nghiệm, một kế hoạch phát triển lâm nghiệp thích hợp cho tương lai đã được đề xuất. Tiến trình nghiên cứu bao gồm: Xem xét các tài liệu đã có, khảo sát trên hiện trường và phân tích vấn đề cùng với các bên liên quan ở địa phương. Việc đánh giá tập trung vào hoạt động lâm nghiệp, nông lâm kết hợp bên trong và ngoài VQG. Mục đích của nghiên cứu này không chỉ tìm kiếm các bài học kinh nghiệm mà còn xác định các cơ hội cho công việc trong tương lai và từ đó đề nghị hoạt động phát triển lâm nghiệp cho dự án PARC và VQG Yok Đôn.

Nhiều bên liên quan đã tham gia vào tiến trình như: Lãnh đạo và cán bộ của VQG Yok Đôn, lãnh đạo các xã vùng đệm, lãnh đạo các lâm trường trong vùng đệm, cán bộ của dự án PARC, đại diện Phòng nông nghiệp huyện

possible by adopting a strict participatory approach whereby the resulting prioritised of possibilities for activities are developed to respond to the actual demands of the target group in question.

Forestry development activities should be undertaken for each target group in the buffer zone and Drang Phok targeted at local environment conservation, development and local habitat conditions.

Forestry development activities should be derived from local stakeholder ideas.

Buôn Đôn, các xã vùng đệm, khuyến nông lâm huyện/xã, đại diện các nhóm nông dân,... Trong làm việc đã sử dụng phương pháp tiếp cận theo nhóm rộng bao gồm cả nam và nữ để có thể giải quyết vấn đề một cách hiệu quả.

Nhóm thúc đẩy/nghiên cứu cũng được lựa chọn đa ngành (bao gồm lâm nghiệp xã hội, quản lý rừng, nông lâm kết hợp, khuyến nông lâm, đa dạng sinh học,...) để có thể giải quyết các vấn đề rộng trong một thời gian khá hẹp.

Các công cụ tiếp cận có sự tham gia đa dạng đã được áp dụng như: Phân tích SWOT (điểm mạnh, yếu, cơ hội và thử thách), phân tích CIPP (bối cảnh, đầu vào, tiến trình và đầu ra) để xác định và xem xét các vấn đề một cách tổng quan, phỏng vấn bán cấu trúc để thu thập và thẩm định các vấn đề; đồng thời sử dụng ma trận lập kế hoạch hướng mục tiêu để thảo luận và đánh giá các tiềm năng phát triển hoạt động lâm nghiệp trong tương lai.

Đánh giá các hoạt động lâm nghiệp hiện tại các điểm nghiên cứu:

Với mục đích nghiên cứu tình hình lâm nghiệp trong các xã vùng đệm, 3 xã được khảo sát là Krông Na, Ea Huar, Ea Wer (huyện Buôn Đôn). Ngoài ra hiện nay VQG Yok Đôn đã được mở rộng, các xã vùng đệm đã tăng thêm, bao gồm: Ea Po, Dak Wil (huyện Cư Jut) và Chư Ma Lanh, Ea Bung (huyện Ea Soup). Do đó trong tương lai cần đánh giá thêm cho các xã này. Bảng 1 (trang 100) là dữ liệu diện tích của Vườn và các xã vùng đệm.

Hoạt động lâm nghiệp hiện tại ở các xã vùng đệm:

Thực tế cho thấy nông dân người dân tộc ít người đang thiếu kinh nghiệm trong áp dụng kỹ thuật với các

NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VỚI BẢO TỒN

Bảng 1: Dữ liệu VQG Yok Đôn và vùng đệm (1)

	Diện tích (ha)
Tổng diện tích	245820
Vườn quốc gia Yok Đôn	115545
Phân bố theo 03 phân khu:	
+ Bảo vệ nghiêm ngặt (SPZ)	80947
+ Phục hồi sinh thái (ERZ)	30426
+ Hành chính, dịch vụ (SAZ)	4172
Phân bố theo trạng thái, sử dụng:	
+ Rừng giàu	662,7
+ Rừng trung bình	25700,8
+ Rừng nghèo	80941,3
+ Rừng non	3991
+ Đất trống	3573,9
+ Đất nông nghiệp	369,2
+ Đất khác	306,10
Phân bố theo kiểu rừng:	
+ Rừng lá rộng thường xanh	4610
+ Rừng Khộp	106685,5
Vùng đệm	130275
Phân bố theo huyện/xã:	
Huyện Ea Sup	
+ Xã Ea Bung	28832
+ Xã Chư Ma Lanh	24632
Huyện Buôn Đôn	
+ Xã Krông Na	14779
+ Xã Ea Huar	4584
+ Xã Ea Wer	8080
Huyện Cư Jút	
+ Xã Ea Pô	10010
+ Xã Dak Wil	39358

(1) Dữ liệu của Viện điều tra quy hoạch rừng trong đề xuất mở rộng Vườn quốc gia Yok Đôn, 1998 và chính sử 2001

loài cây trồng mới đang được khuyến khích đưa vào vùng đệm. Nhiều cán bộ xã đã phản ánh rằng, nhiều hộ gia đình có thu nhập từ các khu rừng ở địa phương, trong đó sản phẩm thu hoạch chính là lâm sản ngoài gỗ từ các khu rừng của VQG cũng như các khu rừng nghèo trong vùng đệm. Ví dụ, nói chuyện với người dân buôn Trí, xã Krông Na cho thấy nhiều sản phẩm được người dân thu hoạch từ rừng. Cũng trong thảo luận nhóm với nông dân cho thấy khoảng 40% số hộ trong các buôn phải sống dựa vào rừng nhờ thu hoạch sản phẩm rừng. Đa số họ cho biết các sản phẩm chính được sản xuất, thu hoạch là Kỳ đà, Ba ba, Rắn..., ngoài ra chai cục trên các cây họ dầu cũng được thu hoạch bởi đa số hộ trong vùng đệm. Như vậy có thể thấy đời sống của cư dân vùng đệm đang phụ thuộc vào các sản phẩm rừng, do đó nhiều loại thú, cây rừng quý hiếm đang bị ảnh hưởng bởi áp lực này. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, việc thu hoạch các sản phẩm này cũng góp phần quan trọng trong cải thiện đời sống của người dân và một số sản phẩm ngoài gỗ như cây thuốc, le, măng, nấm... tác động không lớn đến đa dạng sinh học trong vùng.

Trồng cây lâu năm:

Nông dân đã xác định được một vài loài cây trồng lâu năm có tiềm năng để phát triển các mô hình nông lâm kết hợp tại địa phương. Những cây này đã tỏ ra thành công và ổn định, như là Điều, Bông Vải, Xoài... Nhiều cán bộ khuyến nông lâm đã xác nhận rằng, Xoài là một cây trồng trong nông lâm kết hợp có tiềm năng để phát triển ở đây.

Điều là cây quan trọng, tại 3 xã Điều chiếm đến 30% diện tích trồng trọt hiện tại. Khí hậu ở Yok Đôn là phù hợp với sinh trưởng và phát triển của cây Điều, tuy nhiên số diện tích trồng trước đây, với cây giống từ hạt đã tỏ ra có năng suất và chất lượng kém (năng suất địa phương trong vòng 0,6-0,8 tấn/ha) nên nhiều nông dân đã chặt bỏ Điều cũ để lấy đất trồng các loài cây khác. Với đặc điểm khí hậu, đất đai thích hợp cho cây Điều cùng với kiến thức/kinh nghiệm sẵn có trong canh tác Điều của nông dân, việc thúc đẩy trồng Điều năng suất cao là cần thiết và cần được quan tâm trong thời gian tới.

Cây Nhãn cũng đã được thử nghiệm bởi một số hộ nông dân trong các xã Ea Wer, Ea Huar. Tuy vậy Nhãn lại có nhu cầu tưới trong mùa khô do đó nó chỉ thích hợp với các hộ có khả năng tiếp cận nguồn nước hoặc các hộ sống dọc theo sông Srêpôk. Ngoài ra việc trồng Nhãn ở các khu vực gần VQG đã nảy sinh một số vấn đề, nhiều người dân cho biết thú rừng, Dơi,... đã ăn quả Nhãn, đặc biệt là Dơi khá nhiều. Trong khi đó chi phí cho việc mua lưới để bảo vệ, che chắn lại khá đắt đối với nông dân nghèo.

Quản lý, sử dụng những khu rừng còn sót lại ở vùng đệm:

Sự bòn rút, phá hoại các khu rừng còn sót lại xung quanh VQG là một vấn đề cần quan tâm. Canh tác nương rẫy truyền thống hầu như đã được hạn chế ở khu vực này, tuy vậy việc canh tác nương rẫy cũng mới chấm dứt trong một ít năm gần đây. Cho đến năm 1999, rừng ở các vùng đệm thuộc 3 xã nói trên thuộc quyền quản lý của Lâm trường Ea Tul và đã qua khai thác quá mức, đến nay đa số diện tích rừng còn sót lại này được giao trả về địa phương. Tuy vậy rừng ở đây gần như chưa được quản lý, cây gỗ vẫn bị chặt phá bởi những người lấy củi, trụ tiêu từ bên ngoài, rừng bị chặt phá chuyển đổi mục đích tự do.... Thực sự những khu rừng này là rừng Khộp nghèo kiệt, là một hệ thống không hiệu quả để tạo ra thu nhập cho cộng đồng địa phương, do đó đang tiếp diễn hình thức "tự do cho tất cả" - một hình thức sẽ phá hoại toàn bộ diện tích rừng còn lại trong vùng đệm.

Một giải pháp có khả năng đã được phân tích với

NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VỚI BẢO TỒN

nông dân là thúc đẩy nông lâm kết hợp trên những diện tích rừng Khộp non, nghèo kiệt này, đó là trồng Điều ghép, Dứa cùng với các loại cây trồng ngắn ngày khác theo băng rạch (phương thức làm giàu rừng), hoặc trồng Téch theo đám, theo rạch... để phục hồi hệ sinh thái rừng ở đây đồng thời tạo ra thu nhập, tăng diện tích canh tác cho hộ gia đình. Đặc biệt là đối với xã Ea Huar đang thiếu đất canh tác, thì giải pháp này rất hữu hiệu nhằm phục hồi rừng đồng thời mở thêm đất canh tác ổn định lâu dài.

Các loài cây rừng, cây dài ngày đề nghị để làm giàu rừng, thực hiện nông lâm kết hợp nói trên là phù hợp với điều kiện sinh thái địa phương, phù hợp với lập địa rừng Khộp như cây Điều, Téch (Téch nguyên sinh ở Thái Lan, Myanma hỗn giao với cây họ đậu).

Phân tích các quản lý rừng, lâm nghiệp ở VQG Yok Đôn:

Kết quả phân tích SWOT và CIPP đã phản ánh thêm

Bảng 2: Kết quả phân tích SWOT về quản lý rừng ở VQG Yok Đôn

<p>Điểm mạnh: Về tổ chức quản lý Vườn: Khả năng đồng thuận, năng lực của một số cán bộ được cải thiện thông qua công tác và hoạt động dự án. Về thu hút cộng đồng: Người dân tham gia hoạt động bảo vệ rừng: Khoản bảo vệ hơn 20000 ha rừng cho hơn 500 hộ; tiến hành các hỗ trợ phát triển cộng đồng, canh tác cho nông dân. Về quản lý tài nguyên: Đã tạo lập được cơ sở dữ liệu GIS ở 07 xã vùng đệm. Đã thực thi 04 chương trình khảo sát lớn: Bảo tồn tài nguyên, du lịch sinh thái, giáo dục môi trường và phát triển vùng đệm. Về bảo vệ tài nguyên: Hệ thống giám sát, bảo vệ đã được thành lập và hoạt động có hệ thống.</p>	<p>Điểm yếu: Về nguồn nhân lực: Đa số thiếu kiến thức, kỹ năng liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học, du lịch sinh thái, cách tiếp cận phát triển cộng đồng. Thực thi các hoạt động bảo tồn, giáo dục và phát triển vùng đệm chưa đồng bộ và chậm. Hạn chế về thiết bị trong nghiên cứu bảo tồn và bảo vệ rừng.</p>
<p>Cơ hội: Có sự quan tâm của Bộ NN&PTNT trong đầu tư mở rộng Vườn. Có sự hỗ trợ kỹ thuật của dự án PARC. Có sự hợp tác tốt với chính quyền địa phương trong vùng đệm.</p>	<p>Thách thức: Đời sống cư dân địa phương còn phụ thuộc quá lớn vào rừng, tạo ra áp lực từ các cộng đồng vùng đệm và cư dân khác như săn bắt động vật, thu hái lâm sản ngoài gỗ... (gần 40% hộ gia đình đang có những hoạt động trong khu bảo vệ). Tác động của di dân tự do phía nam vào Vườn: Xã Ea Po, Ea Wil. Thiếu các điều kiện để cải thiện kỹ năng của cán bộ trong Vườn. Nạn chặt trộm gỗ quý hiếm, săn bắt động vật hoang dã khó kiểm soát.</p>

về tình hình quản lý rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và sự kết hợp giữa Vườn với các cộng đồng dân cư trong vùng đệm (bảng 2).

Việc mở rộng đã tạo thêm cơ hội cho Vườn trong quản lý một nguồn tài nguyên rộng lớn hơn, đa dạng và tạo thuận lợi cho việc bảo tồn các quần thể động thực vật, tuy nhiên nó cũng đưa đến nhiều thách thức hơn liên quan đến nguồn lực để quản lý, mối liên quan với nhiều xã, buôn trong các vùng đệm mở rộng.

Đề xuất các hoạt động phát triển lâm nghiệp:

● Hỗ trợ cho các xã vùng đệm: Những khả năng cụ thể để hỗ trợ phát triển lâm nghiệp trong các xã vùng đệm được xác định như sau:

Vùng đệm cần được thiết lập các bản đồ trong đó sử dụng ảnh vệ tinh cùng với sự tham gia của người dân để xác định hiện trạng sử dụng đất, diện tích rừng, đất trống,... đây là cơ sở để phân bổ lại đất rừng phục vụ phát triển nông lâm kết hợp, lâm nghiệp cộng đồng, tái sinh/phục hồi rừng trong vùng đệm

Một vùng rộng lớn rừng tự nhiên trong vùng đệm là rừng Khộp thứ sinh, nghèo kiệt, tiềm năng về kinh tế thấp và chức năng về môi trường là giới hạn, do đó cần có quy hoạch cải thiện cho thích hợp để tăng giá trị của hệ thống này. Việc thực hiện mô hình nông lâm kết hợp bền vững là cần thiết, như là làm giàu rừng thông qua trồng trong rạch cây Điều, Dứa, Xoài, hoặc Téch. Ngoài ra có thể kết hợp chăn nuôi dưới tán rừng như Bò, Dê. Tuy nhiên để quản lý mô hình này ổn định cần có giải pháp phòng chống lửa rừng vào mùa khô.

Một phương thức quản lý tài nguyên trong vùng đệm khác cần được áp dụng, đó là cần tiến hành giao đất, các khu rừng còn sót lại cho hộ, thôn buôn. Hệ thống quản lý rừng này chắc chắn chưa mang lại lợi ích ngay cho nông dân vùng đệm, nhưng nó sẽ góp phần vào việc quản lý và phát triển lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển khu rừng trong vùng đệm và giải quyết thêm đất canh tác theo hướng nông lâm kết hợp cho nông dân nhằm phục hồi rừng và đất rừng đã bị nghèo kiệt. Việc phát triển kỹ thuật nông lâm kết hợp cần đáp ứng nhu cầu và ý tưởng của nông dân. Điều này được thực hiện thông qua đánh giá sở thích, kinh nghiệm của họ và hệ thống nông lâm kết hợp này nên theo hướng tổng hợp bao gồm cả trồng trọt, lâm nghiệp và chăn nuôi.

Việc nâng cao năng lực giám sát và đánh giá các thử nghiệm, tiến trình sản xuất cho nông dân cần được khuyến khích. Hỗ trợ cho tiến trình học hỏi chia sẻ kinh nghiệm giữa nông dân với nông dân (farmer-to-farmer

NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VỚI BẢO TỒN

extension) là quan trọng để có thể mở rộng các kinh nghiệm và kỹ thuật mới đã áp dụng. Tiến hành phương pháp phát triển công nghệ nông lâm nghiệp có sự tham gia (Participatory Technological Development - PTD) trong một vài thôn buôn để cải tiến hệ thống canh tác dựa trên năng lực thực tế của cộng đồng và kiến thức sinh thái địa phương.

Một số nghiên cứu cần thiết ở đây là nghiên cứu để tìm ra khả năng quản lý, giảm thiểu mâu thuẫn giữa hệ

thống bảo tồn tài nguyên với hệ thống sinh kế của người dân tộc ít người phụ thuộc vào rừng. Do đó cần xem xét để thúc đẩy việc giao đất giao rừng một cách công bằng và bền vững cho cả hai nhóm cộng đồng và hộ gia đình.

Lâm sản ngoài gỗ là những sản phẩm có giá trị từ rừng, mặc dù các khu rừng ở đây khá nghèo. Trong vùng đệm chúng đóng góp một phần thu nhập và đời sống cho các cộng đồng dân tộc ít người, những người có kiến thức trong quản lý và sử dụng. Do vậy phát triển

Bảng 3: Khung phát triển lâm nghiệp ở 3 xã vùng đệm (Ea Huar, Ea Wer, Krông Na - huyện Buôn Đôn)

Mục tiêu	Kết quả mong đợi	Các hoạt động chính được đề xuất	Chỉ báo	Phương pháp giám sát	Giả định
1. Đất, rừng được quản lý và sử dụng bền vững trong vùng đệm	1.1. Đất và rừng được lập kế hoạch quản lý có sự tham gia của người dân và các bên liên quan	1.1.1. Lập kế hoạch sử dụng đất có sự tham gia của cấp thôn buôn, cộng đồng	Bản kế hoạch và sơ đồ sử dụng đất ở thôn buôn	Có sự tham gia của các bên	Huyện, xã đưa vào kế hoạch hoạt động này định kỳ Có sự hỗ trợ tư vấn từ PARC
	1.2. Hệ thống canh tác trong vùng đệm được quản lý và phát triển ổn định, bền vững	1.2.1. Khởi xướng phát triển công nghệ có sự tham gia (PTD)	Có 3-5 ý tưởng mới/ buôn được khởi xướng và quản lý bởi nông dân	03 bên: nhà nghiên cứu, cán bộ khuyến nông lâm và nông dân cùng tham gia giám sát	
		1.2.2. Tiến hành các thử nghiệm nông lâm kết hợp trên đất bỏ hoá và rừng Khộp non, nghèo	03 mô hình được tiến hành trên 3 xã: Rừng Khộp + Điều + Dừa Rừng khộp + Tách + cây ngắn ngày Rừng khộp + Xoài + Cây ngắn ngày	Giám sát tác động 03 mặt: Kinh tế, xã hội và môi trường	Rừng Khộp non, nghèo còn sót lại được giao cho hộ, cộng đồng, cấp bia đỏ
2. Phương thức quản lý rừng dựa vào cộng đồng được phát triển trong một số thôn buôn nội vùng và gần khu bảo tồn	2.1. Rừng và đất rừng được quản lý bởi cộng đồng	2.1.1. Giao đất giao rừng cho hộ/cộng đồng	Phương án giao đất giao rừng được cộng đồng chấp thuận Cấp bia đỏ Rừng gần buôn được giao	Giám sát tiến trình có sự tham gia	Huyện, xã, VGQ phối hợp để thực hiện
	2.2. Năng lực quản lý rừng của cộng đồng được phát triển và nâng cao	2.2.1. Tập huấn về kỹ thuật canh tác cây trồng mới: Gieo ươm cây rừng, trồng Điều ghép,...	Một vài hoạt động gây trồng theo kỹ thuật mới được cộng đồng áp dụng	Báo cáo đào tạo Khảo sát hiện trường	
		2.2.2. Hỗ trợ phát triển mô hình quản lý rừng dựa vào cộng đồng tại buôn Đrăng Phók	Rừng gần buôn được giao cho cộng đồng quản lý Có kế hoạch quản lý sử dụng rừng được thông qua bởi Vườn, xã	Dựa vào quy chế quản lý rừng cộng đồng, cộng đồng tự quản	VGQ có chủ trương phát triển lâm nghiệp cộng đồng đối với buôn nội vùng
		2.2.3. Điều tra lâm sản ngoài gỗ dựa vào kiến thức địa phương và hỗ trợ cộng đồng quản lý	Một báo cáo về tiềm năng lâm sản ngoài gỗ Kế hoạch quản lý, sử dụng lâm sản ngoài gỗ được triển khai ở một số buôn gần rừng	Giám sát việc sử dụng trên hiện trường	

NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VỚI BẢO TỒN

Bảng 4: Khung phát triển lâm nghiệp, bảo tồn ở VQG Yok Đôn

Mục tiêu	Kết quả mong đợi	Các hoạt động chính được đề xuất	Chỉ báo	Phương pháp giám sát	Giả định
1. Năng lực bảo tồn đa dạng sinh học của Vườn được cải thiện	1.1. Nguồn nhân lực phục vụ công tác bảo tồn được cải thiện	1.1.1. Tập huấn về bảo tồn đa dạng sinh học	25 cán bộ kỹ thuật được đào tạo và áp dụng điều đã học trong công tác	Báo cáo tập huấn Đánh giá công việc của cán bộ	
		1.1.2. Tập huấn về kỹ năng thúc đẩy, giao tiếp trong phát triển cộng đồng	25 cán bộ có khả năng làm việc tốt với các cộng đồng dân tộc ít người	Báo cáo tập huấn Kết quả các hoạt động liên quan đến cộng đồng	
	1.2. Việc quản lý và lập kế hoạch được thực hiện có hiệu quả	1.2.1. Tập huấn về lập kế hoạch và giám sát/đánh giá có sự tham gia	Vườn bắt đầu áp dụng phương pháp lập kế hoạch mới	Báo cáo tập huấn	
		1.2.2. Lập kế hoạch hàng năm và đánh giá	Kế hoạch hàng năm được phê duyệt và đánh giá	Có sự tham gia của toàn bộ nhân viên	
2. Quản lý đa dạng sinh học, bảo tồn được tiến hành có hiệu quả	2.1. Các hoạt động bảo tồn được thực thi có kế hoạch, hiệu quả	2.1.1. Lập và thực thi kế hoạch giám sát đánh giá đa dạng sinh học	Một kế hoạch giám sát đa dạng sinh học được thiết lập và thực thi	Báo cáo định kỳ	Cán bộ được đào tạo có khả năng thực hiện công việc giám sát đa dạng sinh học
		2.1.2. Thiết lập ranh giới phía nam của Vườn	35 km ranh giới được xây dựng ổn định	Đánh giá hiện trường	
		2.1.3. Xác định 03 phân khu chức năng đối với diện tích Vườn mở rộng	03 khu vực được làm rõ trên hiện trường và bản đồ	Khảo sát	
		2.1.4. Khảo sát nguồn tài nguyên thiên nhiên với diện tích mở rộng	Cơ sở dữ liệu Bản đồ	Kiểm tra hiện trường Báo cáo	
		2.1.5. Xây dựng một trung tâm cứu hộ động vật hoang dã Tây Nguyên	Một trạm cứu hộ được hình thành và hoạt động	Đánh giá hiện trường Các báo cáo	
		2.1.6. Hỗ trợ thiết bị để bảo vệ rừng và nghiên cứu giám sát đa dạng sinh học	Các thiết bị được trang bị theo kế hoạch, đồng bộ và được sử dụng đúng công việc	Báo cáo	Có sự đầu tư đồng bộ từ Bộ NN&PTNT
3. Nâng cao nhận thức về môi trường, đa dạng sinh học cho nhân dân và phát triển hài hoà các dịch vụ từ rừng với bảo tồn	3.1. Nhận thức của cán bộ, nhân dân về bảo tồn được nâng cao	3.1.1. Tập huấn về vai trò của môi trường, đa dạng sinh học cho cộng đồng	Kiến thức về môi trường được truyền bá trong nhân dân vùng đệm	Báo cáo tập huấn Đánh giá hàng năm	
		3.1.2. Hỗ trợ các trường trung học trong vùng đệm về giáo dục môi trường	Có các chuyên đề, ngoại khoá về giáo dục môi trường được sự hỗ trợ của Vườn	Các bài học, khảo sát lớp học Các báo cáo đánh giá	
		3.1.3. Xây dựng một trung tâm giáo dục môi trường	Một trung tâm được thành lập và tổ chức thường xuyên các khoá tập huấn	Kế hoạch hàng năm Các báo cáo đánh giá	Vườn có kế hoạch phát triển nhân lực để thực thi hoạt động giáo dục môi trường
	3.2. Phát triển du lịch kết hợp được với bảo tồn	3.2.1. Thiết kế và thực thi quy chế phát triển du lịch sinh thái gắn với giáo dục môi trường, bảo tồn	Bản quy chế được phổ biến rộng	Giám sát đánh giá tác động của du lịch	

NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG VỚI BẢO TỒN

hệ thống quản lý nguồn lâm sản ngoài gỗ dựa vào cộng đồng cần được thúc đẩy để bảo vệ rừng và cung cấp lợi ích trực tiếp cho các nhóm sử dụng rừng.

Những nỗ lực trong bảo tồn kiến thức bản địa phục vụ cho phát triển cần được hỗ trợ. Đặc biệt là giáo dục những người trẻ trong việc tiếp tục tiếp thu và áp dụng kiến thức của cộng đồng họ.

Xác định cơ chế để thúc đẩy việc hợp tác giữa các bên liên quan như cán bộ hiện trường, khuyến nông lâm, cán bộ của Vườn, lãnh đạo địa phương và dân làng trong cả hai lĩnh vực bảo tồn tài nguyên và phát triển cộng đồng. Điều này cần được thể hiện trong kế hoạch nhằm liên kết được hai nhóm hoạt động này, cơ quan bảo tồn không chỉ tập trung vào nhiệm vụ bảo vệ rừng mà cần cam kết hỗ trợ phát triển nông thôn bền vững nhằm cải thiện đời sống của cư dân vùng đệm.

Những ý tưởng chính trên đây được thể hiện trong khung logic để hướng dẫn cho việc phát triển lâm nghiệp trong vùng đệm (bảng 3).

● **Đề xuất một số hoạt động phát triển lâm nghiệp, bảo tồn ở VQG Yok Đôn:** Một kế hoạch chiến lược cho bảo tồn và những hoạt động ưu tiên đã được phân tích và đề xuất dựa trên các báo cáo chuyên đề dự án PARC, tài liệu của Vườn và kết quả thảo luận với các bên liên quan như: Lãnh đạo Vườn, cán bộ kỹ thuật, lãnh đạo các xã vùng đệm. Dựa trên kết quả đó một khung logic đã được thiết kế cho các hoạt động tại Vườn trong tương lai (bảng 4).

Kết luận và kiến nghị:

Các đề nghị phát triển lâm nghiệp được tiến hành cho từng nhóm đối tượng: Các xã vùng đệm, thôn buôn nội vùng và VQG Yok Đôn, điều này dựa trên sự khác nhau về quản lý tổ chức của từng cơ quan địa phương. Các đề nghị nhằm vào việc phát triển lâm nghiệp với ba mục tiêu là phát triển xã hội địa phương, môi trường và cảnh quan trong khu vực.

Các kiến nghị được đưa ra dựa trên ý tưởng và đề xuất của các bên liên quan theo cách thức tiếp cận có sự tham gia trong nghiên cứu, do đó nó góp phần đưa ra các khả năng, các hoạt động ưu tiên để phát triển dựa trên nhu cầu thực sự của các nhóm mục tiêu.

Đây là một nghiên cứu ngắn hạn, một số phân tích hoặc đề xuất có thể chỉ dừng lại ở mức tổng quát, báo cáo này do vậy được xem là báo cáo lần thứ nhất, và cần có các hoạt động lập kế hoạch chi tiết tiếp theo để có thể tiến hành, thực thi các đề xuất.

Cuối cùng, đây là một nỗ lực để liên kết các bên liên quan trong một sự hiểu biết chung để đánh giá các tình hình hiện tại cũng như đưa ra một kế hoạch tổng quan góp phần phát triển lâm nghiệp và bảo tồn ở cả hai khu vực: Vùng đệm và vùng lõi của VQG Yok Đôn.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2001 và phương hướng nhiệm vụ năm 2002 của xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.
2. Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết HĐND xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2001 và phương hướng nhiệm vụ năm 2002 của xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.
3. Báo cáo phương án quy hoạch sử dụng đất đai xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2001-2010.
4. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn: Dự án đầu tư xây dựng VQG Yok Đôn mở rộng, tháng 6/ 2001.
5. Văn kiện dự án PARC: Xây dựng các khu bảo tồn nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở ứng dụng quan điểm sinh thái cảnh quan (VIE/ 95/ G31).
6. GTZ/WWF: Quarterly report 1/ 2000: Consultant services and performance. Jan, to March 2000.
7. GTZ/WWF: Quarterly report 2/ 2000: Consultant services and performance. April to June 2000.
8. PARC project: Area development plan for village cluster Tri A and B, Krông Na commune, Ban Don district, Dak Lak province. January 2001.
9. Ra Lan Von Ga: Report on the implementation of the bufferzone development plan of Yok Đôn National park. July 2000, PARC project.
10. PARC project: Self-Assessment Yok Đôn National park management Plan. February 2000.
11. UNDP: Creating protected areas for resource conservation using landscape ecology. PARC-VIE/ 95/ G31, 1998.
12. UNOPS: Technical proposal: Creating protected areas for resource conservation using landscape ecology. PARC. VIE/ 95/ G31 and 031. September 2001.
13. Richard Sobey: Bufferzone identification for Yok Đôn National Park. Jan. 2000. GTZ/WWF.